

“有”字句

(1) 我有两个面包。

Wǒ yǒu liǎng gè miànbāo.

(2) 学校里没有商店。

Xuéxiào lǐ méiyǒu shāngdiàn.

(3) 你有没有男朋友？

Nǐ yǒu méiyǒu nán péngyou?

Tự đúc kết công thức